

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG

NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÃ SỐ: 8310102

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2147/QĐ-ĐHKT ngày 23/6/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: Kinh tế chính trị
- + Tiếng Anh: Political Economy
- Mã số ngành đào tạo: 8310102
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị
- + Tiếng Anh: The Degree of Master in Political Economy
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ kinh tế chính trị có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kinh tế chính trị hiện đại; có tầm nhìn và có khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm tư vấn, tham gia quản lý trong các tổ chức kinh tế, chính trị và xã hội, hệ thống cơ quan quản lý nhà nước các cấp. Thạc sĩ Kinh tế chính trị có thể trở thành nghiên cứu viên ở các viện nghiên cứu kinh tế, chính trị, xã hội; có thể giảng dạy ở các trường đại học và cao đẳng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình được thiết kế nhằm đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị có kiến thức hệ thống, cơ bản về kinh tế chính trị hiện đại. Đó là những vấn đề kinh tế chính trị của

quá trình phát triển của các quốc gia; phân bổ các nguồn lực và lợi ích của các nước lớn, những vấn đề về kinh tế chính trị Việt Nam, cách mạng công nghiệp và phát triển, phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường, quan hệ giữa nhà nước và thị trường, hội nhập quốc tế... Để có thể tiếp thu được những kiến thức đó, người học còn được trang bị các kiến thức bổ trợ bằng một số học phần cơ sở và liên ngành.

Người học cũng được trang bị phương pháp tư duy khoa học, kỹ năng giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra: hiểu và tham gia triển khai được chủ trương, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Thạc sĩ Kinh tế chính trị có thể tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ kinh tế chính trị và tích lũy kiến thức từ hoạt động thực tiễn để trở thành chuyên gia Kinh tế chính trị, nhà quản lý, lãnh đạo trong cả khu vực công và tư.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

- Xét tuyển thẳng theo Hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Xét tuyển, bao gồm đánh giá hồ sơ và phỏng vấn

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Điều kiện văn bằng

Ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức

- Nhóm 1: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế chính trị hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế chính trị; chuyên ngành sư phạm Kinh tế chính trị được dự thi ngay.

Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức

- Nhóm 2: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Kinh tế chính trị được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức với chương trình gồm 05 học phần (15 tín chỉ).
- Nhóm 3: Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành khác và có bằng lý luận chính trị tương đương trình độ trung cấp trở lên được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 9 học phần (27 tín chỉ).

3.2.2. Điều kiện về ngoại ngữ

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho

Việt Nam hoặc tương đương.

3.2.3. Điều kiện thâm niên công tác

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc Nhóm 1 và Nhóm 2 không yêu cầu kinh nghiệm công tác;

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc Nhóm 3: phải có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

3.3. Danh mục các ngành phù hợp

- **Danh mục ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức:** ngành Kinh tế chính trị hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế chính trị; chuyên ngành sư phạm Kinh tế chính trị.

- **Danh mục ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức:** ngành Kinh tế (không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về kinh tế chính trị), Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị (chuyên ban Kinh tế chính trị).

3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học thuộc Nhóm 2, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 5 học phần (15 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3
4	Kinh tế chính trị quốc tế	3
5	Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi	3
Tổng cộng		15

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học thuộc Nhóm 3, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 09 học phần (27 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3

TT	Học phần	Số tín chỉ
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3
4	Kinh tế chính trị quốc tế	3
5	Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi	3
6	Lịch sử kinh tế	3
7	Chính phủ và chính sách công	3
8	Kinh tế học về chi phí giao dịch	3
9	Kinh tế học môi trường	3
Tổng cộng		27

3.5. Quy mô tuyển sinh

- Hàng năm Trường tuyển sinh theo kế hoạch chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 50 học viên/năm

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

- PLO1: Hiểu được những kiến thức triết học, với tư cách là nền tảng để người học hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học;

- PLO2: Nắm vững những kiến thức tiếng Anh, với mức độ là cơ sở để người học tiếp tục tự học thêm để đạt trình độ tương đương bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được tiếng Anh trong nghiên cứu và trao đổi khoa học Kinh tế chính trị;

- PLO3: Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành và liên ngành để phân tích các vấn đề Kinh tế chính trị hiện đại;

- PLO4: Áp dụng được các kiến thức chuyên sâu để giải quyết được các vấn đề Kinh tế chính trị hiện đại trong thực tiễn.

2. Chuẩn về kĩ năng:

2.1 Kĩ năng nghề nghiệp

- PLO5: Có khả năng tư duy logic, tư duy hệ thống và liên ngành;

- PLO6: Có khả năng giải thích, truyền bá và tham gia triển khai thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách và luật pháp của nhà nước;

- PLO7: Có năng lực phân tích và kiến nghị xử lý các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội dưới góc độ Kinh tế chính trị những vấn đề kinh tế - xã hội nảy sinh.

2.2 Kĩ năng bổ trợ

- PLO8: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm;

- PLO9: Biết cách đàm phán, thuyết phục;

- PLO10: Có kỹ năng viết và nói Tiếng Anh tương đương bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- PLO11: Có thể sử dụng phần mềm thống kê như SPSS, Eviews hoặc STATA...

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO12: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị;

- PLO13: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn;

- PLO14: Có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn, đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ;

- PLO15: Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1: Cán bộ, công chức của Đảng và Nhà nước

Với những kiến thức, kỹ năng và phẩm chất được đào tạo, những hiểu biết cơ bản, hệ thống về đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách của Nhà nước, thạc sĩ Kinh tế chính trị hoàn toàn đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của cán bộ, công chức của Đảng và Nhà nước. Họ có thể làm việc trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước, từ địa phương cho đến trung ương.

Nhóm 2: Chuyên viên của các tổ chức kinh tế, xã hội

Với những kiến thức mang tính liên ngành, thạc sĩ Kinh tế chính trị có thể làm việc tại các các tổ chức tư vấn kinh tế, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế quốc tế tại Việt Nam; có thể trở thành chuyên viên triển khai và giám sát thực hiện các quyết định quản lý trong các tổ chức; triển vọng có thể trở thành các chuyên gia phân tích chính sách, các nhà tư vấn và quản lý kinh tế, xã hội cấp cao.

Nhóm 3: Cán bộ giảng dạy và nghiên cứu kinh tế

Với những kiến thức cơ bản, hệ thống, thạc sĩ Kinh tế chính trị có khả năng nghiên cứu và đề xuất hướng giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội. Đồng thời, họ cũng có những kỹ năng cần thiết để truyền đạt các trị thức, hiểu biết của mình. Vì vậy, họ có thể làm việc tại các viện nghiên cứu, các cơ quan truyền thông, các trường đại học khối ngành kinh tế; có thể trở thành nghiên cứu viên, biên tập viên, giảng viên; tham gia nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề kinh tế, đặc biệt là kinh tế chính trị hiện đại, có thể trở thành các nghiên cứu viên, biên tập viên, giảng viên cao cấp về kinh tế.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu cao hơn ở bậc tiến sĩ.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	65 tín chỉ
- Khối kiến thức chung:	9 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	41 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i> :	22 tín chỉ
+ <i>Tự chọn</i> :	19/51 tín chỉ
- Thực tập thực tế và tốt nghiệp:	15 tín chỉ
+ Thực tập thực tế:	6 tín chỉ
+ Đề án tốt nghiệp:	9 tín chỉ

2. Khung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			9				
1	PHI 5003	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2	ENG 5002	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	20	50	5	
II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH			41				
II.1 Các học phần bắt buộc			22				
3	INE 6005	Lý thuyết kinh tế vi mô <i>Microeconomic Theory</i>	2	20	10	0	
4	INE 6003	Lý thuyết kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomic Theory</i>	2	20	10	0	
5	PEC 6004	Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao <i>Intermediate History of Economic Doctrines</i>	3	30	15	0	
6	PEC 6006	Kinh tế chính trị của sự phát triển <i>Political Economy of Development</i>	3	30	15	0	
7	PEC 6214	Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người <i>Economic Growth and Human Development</i>	3	30	15	0	
8	PEC 6039	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao <i>Advanced Socio-Economic Policy Analysis</i>	3	30	15	0	
9	PEC 6218	Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế <i>Globalisation and International Political Economy</i>	3	30	15	0	
10	PEC 6119	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển <i>Poverty, Inequality and Government in Less Developed Countries</i>	3	30	15	0	
II.2 Các học phần tự chọn			19/51				
11	PEC 6126	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn <i>Social Policy: Issues and Options</i>	3	30	15	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
12	PEC 6125	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế <i>States, Markets and International Governance</i>	3	30	15	0	
13	PEC 6001	Chính trị và phát triển <i>Politics & Development</i>	2	20	10	0	
14	INE 6015	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	2	20	10	0	
15	PEC 6012	Nông nghiệp trong phát triển kinh tế <i>Agriculture in Economic Development</i>	3	30	15	0	
16	PEC 6011	Tăng trưởng, phát triển và sự chuyển đổi kinh tế <i>Growth, Development & Economic Transformation</i>	2	20	10	0	
17	PEC 6007	Kinh tế chính trị Việt Nam <i>Political Economy of Vietnam</i>	3	30	15	0	
18	PEC 6128	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động <i>Labour Market Policy Issues</i>	3	30	15	0	
19	PEC 6045	Phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường <i>Income distribution in Market Economy</i>	3	30	15	0	
20	PEC 6044	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomic Management Tools</i>	3	30	15	0	
21	PEC 6017	Quản lý công và Lãnh đạo <i>Public Management and Leadership</i>	3	35	10	0	
22	PEC 6024	Toàn cầu hóa và chính sách công <i>Globalisation and Public Policy</i>	2	20	10	0	
23	PEC 6052	Thị trường toàn cầu và khủng hoảng tài chính <i>Global Market and Financial Crisis</i>	2	20	10	0	
24	PEC 6053	Cách mạng Công nghiệp và phát triển <i>Industrial Revolution and Development</i>	3	30	15	0	
25	PEC 6121	Quản lý sự thay đổi <i>Change management</i>	2	20	10	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
26	PEC 6058	Advanced Microeconomics: Markets, Equilibrium, and Public Policies <i>Kinh tế vi mô nâng cao: Thị trường, cân bằng và chính sách công</i>	3	30	15	0	
27	PEC 6059	Economics of Law, Regulation, and Competition <i>Kinh tế học về Luật pháp, Quy định và cạnh tranh</i>	3	30	15	0	
28	PEC 6060	Information and Decision <i>Thông tin và Quyết định</i>	3	30	15	0	
29	PEC 6061	Quantitative Methods, Statistics and Econometrics <i>Phương pháp định lượng, Thống kê và Kinh tế lượng</i>	3	30	15	0	
III		Thực tập thực tế và tốt nghiệp	15				
30	PEC 6055	Chuyên đề thực tập thực tế 1 <i>Intership 1</i>	3	0	45	0	
31	PEC 6056	Chuyên đề thực tập thực tế 2 <i>Intership 2</i>	3	0	45	0	
32	PEC 6057	Đề án tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	9	0	0	135	
Tổng cộng			65				

Ghi chú: Học phần Tiếng Anh B2 là học phần điều kiện, được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá học phần này không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

3. Ma trận đóng góp của các học phần trong CTĐT với chuẩn đầu ra của CTĐT

STT	Mã HP	MÃ CHUẨN ĐẦU RA														
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
1	PHI 5002	3				3			3				4	3	3	3
2	ENG 5001		3						3	3	3			3		
3	INE 6005			3	3	3	3	3	4	4		3	3	3	3	3
4	INE 6003			3	3	3	3	3	4	4		3	3	3	3	3
5	PEC 6004	3		4	4	3	3	3	4	4			3	3	3	3
6	PEC 6006	3		4	4	3	3	3	4	4			3	3	3	3
7	PEC 6114	3		4	4	3	3	3	4	4			3	3	3	3
8	PEC 6039	3		4	4	3	3	3	4	4			3	3	3	3
9	PEC 6108	3		4	4	3	3	3	4	4			3	3	3	3
10	PEC 6119	3		4	4	3	3	3	4	4			3	3	3	3
11	PEC 6126	3		4	4	4	4	4	4	4			3	3	3	3
12	PEC 6125	3		4	4	4	4	4	4	4			3	3	3	3
13	PEC 6001	3		4	4	4	4	4	4	4			3	3	3	3
14	INE 6040	3		4	4	4	4	4	4	4			3	3	3	3
15	PEC 6110	3		4	4	4	3	4	4	4			3	3	3	3
16	PEC 6011	3		4	4	4	4	4	4	4			3	3	3	3
17	PEC 6007	3		4	4	4	4	4	4	4			3	3	3	3
18	PEC 6128	3		4	4	4	3	4	4	4			3	3	3	3

STT	Mã HP	Mã Chuẩn Đầu Ra														
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
19	PEC 6045	3		4	4	4	4	4	4	4			3	3	3	3
20	PEC 6044	3		4	4	4	4	4	4	4			3	3	3	3
21	PEC 6017	3		4	4	4	4	4	4	4			3	3	3	3
22	PEC 6024	3		4	4	4	4	4	4	4			3	3	3	3
23	PEC 6052	3		4	4	4	3	4	4	4			3	3	3	3
24	PEC 6053	3		4	4	4	4	4	4	4			3	3	3	3
25	PEC 6054	3		4	4	4	4	4	4	4			3	3	3	3
26	PEC 6058	3		3	3	3	3	3	3	3			3	3	3	3
27	PEC 6059	3		3	3	3	3	3	3	3			3	3	3	3
28	PEC 6060	3		3	3	3	3	3	3	3			3	3	3	3
29	PEC 6061	3		3	3	3	3	3	3	3			3	3	3	3
30	PEC 6055	4	3	4	4	4	4	4	4	4		3	4	4	4	4
31	PEC 6056	4	3	4	4	4	4	4	4	4		3	4	4	4	4
32	PEC 6057	4	3	4	4	4	4	4	4	4		3	4	4	4	4